

Số: 566 /QĐ- TCĐBVN

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Công bố khổ giới hạn của các tuyến đường bộ cao tốc: TP. Hồ Chí Minh – Trung Lương, TP. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Hà Nội – Hải Phòng, Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ và Cục trưởng Cục Quản lý đường bộ cao tốc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố khổ giới hạn của các tuyến đường bộ cao tốc: TP. Hồ Chí Minh – Trung Lương, TP. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Hà Nội – Hải Phòng, Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Các vị trí trong Phụ lục kèm theo Quyết định này không ghi chiều rộng và chiều cao là vị trí bảo đảm quy định khổ giới hạn về chiều rộng và khổ giới hạn về chiều cao theo cấp của tuyến đường.

Khổ giới hạn công bố trong Quyết định này không thay thế biển báo hiệu hạn chế khổ giới hạn và các báo hiệu đường bộ trên đường bộ cao tốc.

Người tham gia giao thông có trách nhiệm tuân thủ: Quy tắc giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2008; các quy định của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ và các quy định có liên quan.



Điều 2. Cục trưởng Cục Quản lý đường bộ cao tốc có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, rà soát và báo cáo kịp thời để Tổng cục Đường bộ Việt Nam công bố bổ sung trong các trường hợp sau:

1. Khổ giới hạn tại các vị trí trên đường bộ cao tốc đang khai thác có thay đổi (do sửa chữa hoặc thực hiện công việc khác làm mở rộng, thu hẹp mặt đường, mặt cầu; nâng cao hoặc hạ thấp đường dưới cầu vượt, trong hầm, cầu chui và các nguyên nhân khác làm thay đổi khổ giới hạn về chiều rộng, thay đổi khổ giới hạn về chiều cao) so với khổ giới hạn đã công bố tại Quyết định này;

2. Khi hoàn thành công tác đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến, đoạn tuyến đường bộ cao tốc và đưa vào khai thác;

3. Định kỳ trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả rà soát khổ giới hạn của các tuyến đường bộ cao tốc gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam để cập nhật và công bố bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ, Vụ An toàn giao thông, Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế, Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế - Thanh tra; Cục trưởng Cục Quản lý đường bộ cao tốc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *J. Duc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GTVT (thay b/c);
- Vụ KCHTGT, Vụ VT (Bộ GTVT);
- Các Phó Tổng Cục trưởng;
- Trung tâm CNTT Đường bộ (đăng tải);
- Tạp chí điện tử Đường bộ (đăng tin);
- Lưu: VT, QLBTĐB_(K.T).



Nguyễn Văn Huyện

PHỤ LỤC

KHÔ GIỚI HẠN TRÊN MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC

(Kèm theo Quyết định số 566 /TCĐBVN-QLBTTĐB ngày 08/3/2016)

TT	Tên đường	Lý trình		Tên tỉnh/TP	Cấp đường	Vị trí hạn chế khổ giới hạn so với cấp đường				Ghi chú
		Từ Km	đến Km			Lý trình	Bề rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)	Lý do hạn chế	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TP. HỒ CHÍ MINH - TRUNG LƯƠNG										
I	TP.HCM-Trung Lương	Km10+000	Km49+805	Long An & Tiền Giang						
1	TP.HCM-Trung Lương	Km10+000	Km10+655,8	TP.HCM	Cao tốc 120km/h					
1	TP.HCM-Trung Lương	Km22+730	Km26+018	Long An	Cao tốc 120km/h					
2	TP.HCM-Trung Lương	Km26+091	Km29+262	Long An	Cao tốc 120km/h					
3	TP.HCM-Trung Lương	Km29+302	Km34+200	Long An	Cao tốc 120km/h					
4	TP.HCM-Trung Lương	Km37+500	Km40+860	Long An - Tiền Giang	Cao tốc 120km/h					
5	TP.HCM-Trung Lương	Km40+940	Km42+262	Tiền Giang	Cao tốc 120km/h					
6	TP.HCM-Trung Lương	Km42+340	Km45+335	Tiền Giang	Cao tốc 120km/h					
7	TP.HCM-Trung Lương	Km45+367	Km46+272	Tiền Giang	Cao tốc 120km/h					
8	TP.HCM-Trung Lương	Km46+451	Km49+805	Tiền Giang	Cao tốc 120km/h					
II	Đường dẫn Tân Tạo - Chợ Đệm	Km9+380	Km10+000	Hồ Chí Minh	Cấp II 80km/h	10+000P	10,5	4,3		
III	Đường dẫn Bình Thuận - Chợ Đệm	Km2+860	Km3+400	Hồ Chí Minh	Cấp II 80km/h					
IV	Đường dẫn Cao tốc - Ngã 3 Chùa	Km0+000	Km2+180	Tiền Giang	Cấp II 80km/h	1+800T	10,5	4,3		
V	Đường dẫn Ngã 3 chùa - Lương Phú	Km0+000	Km2+300	Tiền Giang	Cấp II 80km/h					
VI	Đường dẫn Ngã 3 chùa - Đồng Tâm	Km0+000	KM4+460	Tiền Giang	Cấp II 80km/h					
HÀ NỘI - HẢI PHÒNG										
I	HN-HP	Nút giao Vành đai 3	Km5+823	Hà Nội	Đường cao tốc 120km/h					



TT	Tên đường	Lý trình		Tên tỉnh/TP	Cấp đường	Vị trí hạn chế khổ giới hạn so với cấp đường				Ghi chú
		Từ Km	đến Km			Lý trình	Bề rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)	Lý do hạn chế	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	HN-HP	Km5+823	Km32+683.5	Hưng Yên	Đường cao tốc 120km/h					
3	HN-HP	Km32+683.5	Km72+900	Hải Dương	Đường cao tốc 120Km/h					
4	HN-HP	Km72+900	Km105+417	Hải Phòng	Đường cao tốc 120km/h					

CẦU GIẾ - NINH BÌNH

1	CG-NB	Km211+00	Km214+964	Hà Nội	Đường cao tốc 120km/h	211+850	7,5m	5,05/4,75m	Di dưới cầu vượt	Bề rộng phần xe chạy
1.1	CG-NB	Km214+964	Km243+830	Hà Nội	Đường cao tốc 120km/h	226+156	7,5m	4,95/4,75m	Di dưới cầu vượt	Bề rộng phần xe chạy
1.2	CG-NB	Km243+830	Km 260+00	Nam Định	Đường cao tốc 120km/h	250+231	7,5m	5,01/4,75m	Di dưới cầu vượt	Bề rộng phần xe chạy

NỘI BÀI - LÀO CAI

1	NB-LC	Km0+080	Km7+661	Hà Nội	Cao tốc 100km/h	Km6		4,75m	Công trạm Tp	
2	NB-LC	Km7+661	Km48+088	Vinh Phúc	Cao tốc 100km/h	Km14+590		4,75m	Cầu vượt IC3	
						Km39+250		4,75m	C. vượt Phụng Nguyễn	
						Km39+960		4,75m	Cầu vượt IC6	
						Km41+600		4,75m	Cầu Vượt Xuân	
3	NB-LC	Km48+088	Km109+783	Phủ Thọ	Cao tốc km100km/h	Km45+300		4,75m	Cầu vượt Qua Bao	
						Km48+360	14,25/25,5m		Cầu Sông Lô	
						Km59+020		4,75m	Cầu vượt Phong	
4	NB-LC	Km190+783	Km123+050	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h	Km78+084	14,25/25		Cầu Sông Hồng	
						Km79+050		4,75m	Cầu nhánh A-	
5	NB-LC	Km123+050	Km131+450	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h		14,25/25,5m		Đường hai làn	

RLK

TT	Tên đường	Lý trình		Tên tỉnh/TP	Cấp đường	Vị trí hạn chế khổ giới hạn so với cấp đường				Ghi chú
		Từ Km	đến Km			Lý trình	Bề rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)	Lý do hạn chế	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	NB - LC	Km131+450	Km132+050	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h					
7	NB - LC	Km132+050	Km139+200	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h		14,25/25,5m		Đường hai làn	
8	NB - LC	Km139+200	Km140+000	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h					
9	NB - LC	Km140+000	Km148+950	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h		14,25/25,5m		Đường hai làn	
10	NB - LC	Km148+950	Km149+705	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h					
11	NB - LC	Km149+705	Km190+420	Yên Bái	Cao tốc 2 làn xe 80km/h					
12						Km 86+200		4,75m	Hãm chui A6	
13	NB - LC	Km190+420	Km204+200	Lào Cai	Cao tốc 2 làn xe 80km/h					
14	NB - LC	Km204+200	Km215+000	Lào Cai	Cao tốc 2 làn xe 80km/h					
15	NB - LC	Km215+000	Km244+570	Lào Cai	Cao tốc 2 làn xe 80km/h					

HỒ CHÍ MINH - LONG THÀNH - DẦU GIẦY

1	HCM-LT-DG	Km0+000 (Nhánh A1 - An Phú IC)	Km 2+700	HCM	Đô thị 80km/h	Km0+140 (Nhánh A1 - An Phú IC)		5,45	Giá long môn	
2	HCM-LT-DG	Km0+000 (Nhánh B1 -)	Km 2+700	HCM	Đô thị 80km/h	Km 0+720		5,71	Giá long môn	
3	HCM-LT-DG	Km 2+700	Km 3+600	HCM	Đô thị 80km/h	Km 2+700		5,61	Giá long môn	
4	HCM-LT-DG	Km 3+600	Km 10+440	HCM	Đô thị 80km/h	Km 3+600		5,45	Giá long môn	
5	HCM-LT-DG	Km 10+440	Km 10+550	HCM	Cao tốc 120km/h	Km 10+440		5,94	Giá long môn	



TT	Tên đường	Lý trình		Tên tỉnh/TP	Cấp đường	Vị trí hạn chế khổ giới hạn so với cấp đường					Ghi chú
		Từ Km	đến Km			Lý trình	Bề rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)	Lý do hạn chế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
6	HCM-LT-DG	Km 10+550	Km 11+550	HCM	Cao tốc 120km/h	Km 10+550		5,11	Giá long môn		
7	HCM-LT-DG	Km 11+550	Km 12+028	HCM	Cao tốc 120km/h	Km 11+550		5,2	Giá long môn		
8	HCM-LT-DG	Km 12+028	Km 23+000	HCM	Cao tốc 120km/h	Km 12+028		5,29	Giá long môn		
9	HCM-LT-DG	Km 23+000	Km 24+250	DN	Cao tốc 120km/h	Km 23+000		5,21	Cầu vượt (TL25)		
10	HCM-LT-DG	Km 24+250	Km 34+580	DN	Cao tốc 120km/h	Km 24+250		5,93	Giá long môn		
11	HCM-LT-DG	Km 34+580	Km 40+500	DN	Cao tốc 120km/h	Km 34+580		5,22	Cầu vượt		
12	HCM-LT-DG	Km 40+500	Km 41+000	DN	Cao tốc 120km/h	Km 40+500		5,91	Giá long môn		
13	HCM-LT-DG	Km 41+000	Km 41+850	DN	Cao tốc 120km/h	Km 41+000		5,45	Cầu vượt		
14	HCM-LT-DG	Km 41+850	Km 43+658	DN	Cao tốc 120km/h	Km 41+850		5,78	Giá long môn		
15	HCM-LT-DG	Km 43+658	Km 46+700	DN	Cao tốc 120km/h	Km 43+658		4,5	Cầu vượt		
16	HCM-LT-DG	Km 46+700	Km 49+060	DN	Cao tốc 120km/h	Km 46+700		5,7	Giá long môn		
17	HCM-LT-DG	Km 49+060	Km 51+800	DN	Cao tốc 120km/h	Km 49+060		4,92	Cầu vượt		
18	HCM-LT-DG	Km 51+800	Km 52+800	DN	Cao tốc 120km/h	Km 51+800		5,26	Giá long môn		
19	HCM-LT-DG	Km 52+800	Km 54+450	DN	Cao tốc 120km/h	Km 52+800		5,63	Giá long môn		
20	HCM-LT-DG	Km 54+450	Km 54+600	DN	Cao tốc 120km/h	Km 54+450		5,51	Giá long môn		
21	HCM-LT-DG	Km 54+600	Km55+100	DN	Cao tốc 120km/h	Km 54+950		6,65	Cầu vượt Dầu Giây (QL1A)		
22	HCM-LT-DG	Km 54+600	Km0+000 (Nhánh A1 - Dầu Giây IC)	DN	Cao tốc 120km/h	Km1+600 (Nhánh A1 - Dầu Giây IC)		5,65	Giá long môn		
23	HCM-LT-DG	Km 54+600	Km0+000 (Nhánh A2 - Dầu Giây IC)	DN	Cao tốc 120km/h	Km0+250 (Nhánh A2 - Dầu Giây IC)		5,71	Giá long môn		